

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định số lượng, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định “số lượng, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 và thay thế Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Điều 7, Chương II của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2012.



Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh LD;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Lâm Đồng, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

QUY ĐỊNH

Số lượng, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50 /2019 /QĐ-UBND, ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về số lượng, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng.

2. Quy định này áp dụng đối với người được xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh trưởng, phó các phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng; làm cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định phân cấp hiện hành.

Điều 2. Vị trí, chức trách, nhiệm vụ trưởng, phó các phòng, ban, chi cục và tương đương trở xuống của sở, ban, ngành (gọi chung là sở) thuộc tỉnh

1. Trưởng, phó các phòng, ban thuộc sở: là công chức lãnh đạo các phòng, ban; chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành hoạt động của phòng, ban để thực hiện chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp lãnh đạo sở thực hiện công tác chuyên môn theo thẩm quyền được giao; chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn được phân công.

2. Trưởng, phó các chi cục, đơn vị trực thuộc sở: là công chức, viên chức lãnh đạo bộ máy các cơ quan, đơn vị; chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành hoạt động của chi cục, đơn vị để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và giúp sở thực hiện công tác chuyên ngành theo thẩm quyền được giao; chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao.

3. Trưởng, phó các phòng, ban, đội trong các cơ quan, đơn vị thuộc sở: là công chức, viên chức lãnh đạo các phòng, ban, đội; chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành hoạt động của phòng, ban, đội để thực hiện chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện công tác chuyên môn theo thẩm

quyền được giao; chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cơ quan, đơn vị và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 3. Vị trí, chức trách, nhiệm vụ trưởng, phó các phòng, ban và tương đương trở xuống thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện) thuộc tỉnh

1. Trưởng, phó các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: là công chức lãnh đạo các phòng, ban; chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành hoạt động của phòng, ban để thực hiện chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác chuyên môn theo thẩm quyền được giao; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn được phân công.

2. Trưởng, phó các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (kể cả các đơn vị sự nghiệp giáo dục): là công chức, viên chức lãnh đạo bộ máy các cơ quan, đơn vị; chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác chuyên ngành theo thẩm quyền được giao; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao.

3. Trưởng, phó các phòng, ban, đội trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: là công chức, viên chức lãnh đạo các phòng, ban, đội; chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành hoạt động của phòng, ban, đội để thực hiện chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện công tác chuyên môn theo thẩm quyền được giao và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cơ quan, đơn vị và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 4. Quy định về số lượng cấp: Phó chi cục trưởng; Phó Trưởng phòng, ban, đơn vị, đội, khoa (sau đây gọi chung là phòng)

1. Đối với chi cục thuộc sở, ban, ngành:

a) Chi cục có từ 03 phòng và tương đương trở xuống được bố trí 01 Phó Chi cục trưởng;

b) Chi cục có trên 03 phòng và tương đương trở lên được bố trí không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

2. Đối với phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phòng có từ 05 đến 07 biên chế (hoặc số lượng người làm việc) được bố trí 01 Phó Trưởng phòng;

b) Phòng có từ 08 biên chế đến 14 biên chế được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng;

c) Phòng có 15 biên chế trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng.

3. Đối với phòng, khoa, đội, trạm thuộc chi cục hoặc đơn vị thuộc sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phòng có từ 05 đến 07 biên chế được bố trí 01 cấp phó;

b) Phòng có 08 biên chế trở lên được bố trí không quá 02 cấp phó.

4. Đối với trường học công lập thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương II

TIÊU CHUẨN CỦA TRƯỞNG, PHÓ CÁC PHÒNG, BAN, CHI CỤC VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TRỞ XUỐNG THUỘC CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng

1. Khung tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý là căn cứ để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ lãnh đạo, quản lý.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý quy định tại Điều 2, Điều 3 tối thiểu phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 6. Khung tiêu chuẩn

1. Về chính trị tư tưởng:

a) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân; có ý thức đấu tranh bảo vệ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

b) Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao, năng động, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

c) Gương mẫu về đạo đức, lối sống; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Trung thực, không cơ hội, được cán bộ, công chức, viên chức cơ quan và nhân dân nơi cư trú tín nhiệm;

d) Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao;

đ) Không trong thời gian bị xem xét kỷ luật, bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách đến cách chức.



2. Về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật:

a) Không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi; không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa";

b) Có tinh thần đoàn kết, xây dựng, gương mẫu, yêu thương đồng nghiệp; không bè phái, lợi ích nhóm;

c) Có khả năng đoàn kết, quy tụ công chức, viên chức, người lao động; có năng lực dự báo và định hướng sự phát triển, tổng kết thực tiễn;

d) Công bằng, chính trực, khách quan, công tâm, dân chủ, trọng dụng người tài; không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.

3. Về trình độ:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên theo chuyên ngành, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực công tác của vị trí bổ nhiệm;

b) Có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên đối với các đối tượng được quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 và khoản 1, 2 Điều 3 Quy định này;

c) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương đối với Trưởng, phó các chi cục; Trưởng, Phó các phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Đã được bổ nhiệm ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với các vị trí công tác có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số;

e) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014;

g) Có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

4. Về tuổi bổ nhiệm:

a) Tuổi bổ nhiệm lần đầu đối với các chức vụ: trưởng, phó phòng và tương đương thuộc các sở; trưởng, phó phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phải đủ tuổi để công tác trọn một nhiệm kỳ (ít nhất 60 tháng, tính từ khi quyết định bổ nhiệm có hiệu lực). Tuổi của cán bộ được xác định theo tuổi khai trong hồ sơ lý lịch công chức, viên chức và phù hợp với các văn bằng chứng chỉ liên quan;



b) Trường hợp công chức, viên chức đã thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc không bổ nhiệm lại, sau một thời gian công tác nếu được xem xét để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, thì điều kiện về tuổi thực hiện như quy định khi bổ nhiệm lần đầu.

5. Về năng lực và uy tín:

a) Có tư duy đổi mới và phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, đúng nguyên tắc;

b) Nắm vững các quy định của pháp luật, chế độ chính sách và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực công tác để tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực hoặc địa bàn công tác được phân công;

c) Có phương pháp nghiên cứu, tổng kết và đề xuất, cải tiến nghiệp vụ quản lý; có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; Có khả năng tham mưu cho lãnh đạo xây dựng các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án, chuyên đề thuộc lĩnh vực công tác được phân công và đề xuất các giải pháp triển khai công việc bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả;

d) Có năng lực quản lý, điều hành; có khả năng tập hợp, phát huy sức mạnh của tập thể, xây dựng khối đoàn kết nội bộ; được tập thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân tin tưởng, tín nhiệm.

6. Về kinh nghiệm công tác:

Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác về lĩnh vực chuyên môn được bổ nhiệm; được sự tín nhiệm của công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị.

7. Về sức khỏe và một số tiêu chuẩn khác:

a) Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao theo kết luận của cơ sở y tế có thẩm quyền từ cấp huyện và tương đương trở lên;

b) Phải được quy hoạch vào chức vụ bổ nhiệm (áp dụng đối với nguồn nhân sự tại chỗ) hoặc được quy hoạch vào chức vụ tương đương với chức vụ bổ nhiệm (áp dụng đối với nguồn nhân sự từ nơi khác);

c) Được đánh giá từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian 03 năm liên tục gần nhất; không trong thời gian thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách đến cách chức hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền; không trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử theo quy định;

d) Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, phiếu kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh;

đ) Công chức, viên chức bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì không được bổ nhiệm vào các chức vụ cao hơn trong thời gian ít nhất 01 năm (12 tháng) kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực thi hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Căn cứ tiêu chuẩn chức danh tại Quy định này; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức danh quy định tại Điều 2, Điều 3 Quy định này.

2. Đối với trường hợp nữ đủ 50 tuổi trở lên và nam từ đủ 55 tuổi trở lên đã được bổ nhiệm giữ chức danh quy định tại Điều 2, Điều 3 trước ngày Quy định này có hiệu lực (đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2012 và Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh), thì không yêu cầu phải có đầy đủ các tiêu chuẩn theo Quy định này.

3. Các trường hợp dưới 50 tuổi đối với nữ và dưới 55 tuổi đối với nam đã được bổ nhiệm giữ chức danh quy định tại Điều 2, Điều 3 trước ngày quy định này có hiệu lực thi hành (đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2012 và Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh) nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo Quy định này thì trong thời gian bổ nhiệm phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo Quy định này.

4. Các trường hợp đến thời hạn bổ nhiệm lại trong năm 2019, 2020, 2021 (đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2012 và Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh) nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn tại Quy định này, thì vẫn được cấp thẩm quyền xem xét bổ nhiệm lại; nhưng trong thời gian bổ nhiệm tiếp theo phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo Quy định này.

5. Đối với những chi cục, phòng, ban, đơn vị có số lượng cấp phó nhiều hơn theo quy định tại Điều 4, thì tiếp tục duy trì số lượng cấp phó hiện có để bảo đảm ổn định; chỉ bổ sung thêm khi số lượng cấp phó hiện có chưa đạt đủ số lượng theo Quy định này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Nội vụ:

- a) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy định này;
- b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân vi phạm.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- a) Quy định cụ thể về tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức thuộc và trực thuộc, bảo đảm sát hợp với yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ của

ngành, địa phương nhưng không thấp hơn khung tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý quy định tại Quyết định này;

b) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý theo khung tiêu chuẩn chức danh và theo yêu cầu nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành, địa phương;

c) Rà soát, sắp xếp số lượng cấp phó để bảo đảm đúng Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt